

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 13 - 01 - 2025

“Tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thắng.
2. Ông Lê Minh Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 130/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2024/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng Ú, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp F, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Hồng Ú (gọi tắt là ông Ú) trình bày:

Ngày 04/02/2020, ông Ú có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 60.000 đồng/1.000.000 đồng/01 tháng, khi vay có làm biên nhận. Sau khi vay thì bà H không trả cho ông Ú số tiền lãi và vốn nào nên năm 2023, ông Ú và bà H đã chốt lại vốn và lãi là 38.000.000 đồng, bà H có trả cho ông Ú

20.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng. Trong đó vốn là 10.000.000 đồng, lãi là 8.000.000 đồng. Bà H có hứa cuối tháng 6/2024 âm lịch sẽ trả cho ông Ú 10.000.000 đồng, còn 8.000.000 đồng thì sẽ trả trước Tết năm 2025. Nhưng đến hạn bà H không thực hiện như cam kết. Sau đó ông Ú đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà H hứa hẹn rồi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay ông Ú khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả cho ông Ú số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng. Trong đó, tiền vốn là 10.000.000 đồng, lãi là 8.000.000 đồng.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H (gọi tắt là bà H) trình bày:

Bà H thừa nhận là có vay của ông Lê Hồng Ú số tiền 30.000.000 đồng. Lãi suất 60.000 đồng/1.000.000 đồng/01 tháng, có làm biên nhận và bà H có ký tên vào biên nhận, bà H biết nội dung trong biên nhận. Năm 2023, đã trả cho ông Lê Hồng Ú 20.000.000 đồng vốn, trước đây bà H có trả lãi cho ông Ú nhưng trả bao nhiêu tiền, trả bao nhiêu lần thì bà H không nhớ, lúc trả lãi không có làm biên nhận. Tại biên bản hòa giải tại ấp bà H thừa nhận là có ký tên vào biên bản, thừa nhận có hứa trả cho ông Ú 10.000.000 đồng vào tháng 6/2024 âm lịch và trả 8.000.000 đồng cuối năm trước Tết năm 2025 nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả cho nợ cho ông Ú.

Nay ông Ú khởi kiện yêu cầu bà H trả 18.000.000 đồng thì bà H không đồng ý, bà H chỉ đồng ý trả 10.000.000 đồng tiền vốn, không đồng ý trả phần lãi 8.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Hồng Ú khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay còn nợ là 18.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản” được Bộ luật dân sự điều chỉnh. Bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng Ú, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn giao nộp 01 giấy biên nhận nợ và biên bản hòa giải tại ấp thể hiện ngày 04/02/2020 âm lịch ông Lê Hồng Ú có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 60.000 đồng/1.000.000 đồng/01 tháng. Ngoài ra, bị đơn cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận là do bị đơn trực tiếp ký và ghi họ tên. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều trình bày tại buổi hòa giải tại ấp bị đơn có thừa nhận còn nợ lại của nguyên đơn 18.000.000 đồng và đồng ý trả 10.000.000 vào tháng 6/2024 âm lịch, còn 8.000.000 sẽ cho nguyên đơn vào cuối năm 2024 âm lịch. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ cho rằng việc bị đơn bà Nguyễn Thị H có vay tiền và còn nợ nguyên đơn ông Lê Hồng Ú số tiền vốn là 10.000.000 đồng là có thật.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Bà Nguyễn Thị H đã vay tiền của ông Lê Hồng Ú nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Ú làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ú. Vì vậy, nguyên đơn ông Lê Hồng Ú khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng là có căn cứ được hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về lãi suất: Nguyên đơn ông Lê Hồng Ú yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả 8.000.000 đồng tiền lãi. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên có cơ sở để chấp nhận. Bị đơn không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn. Vì bị đơn cho rằng trong quá trình vay tiền bị đơn đã đóng lãi theo thỏa thuận cho nguyên đơn nhiều lần nhưng không nhớ số tiền đã đóng là bao nhiêu, khi trả cũng không có làm biên nhận, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do đó, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Từ những nhận định trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ được tính như sau: Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Ú số tiền 18.000.000 đồng nên án phí được tính: $18.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 900.000 \text{ đồng}$. Như vậy, bà H có nghĩa vụ nộp án phí với số tiền là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng Ú về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay còn nợ.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Hồng Ú số tiền 18.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng). Trong đó, tiền vốn là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tiền lãi là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp án phí với số tiền là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Nguyên đơn ông Lê Hồng Ú được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0010258 phiếu lập ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/01/2025).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- Lưu HS.

Trần Ngọc Thới Phần